

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành chương trình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của tỉnh Đắk Nông;

Thực hiện Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 15/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổ chức các Kỳ họp thường lệ trong năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV nhiệm kỳ 2021-2026; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung trình tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 và Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa IV nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023, cụ thể như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP:

Việc xây dựng và thực hiện chương trình THTK, CLP luôn được HĐND và UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt việc thực hiện THTK, CLP trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2023, thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và

theo đúng dự toán được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 và Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Đầu năm 2023 các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch về THPTK, CLP nhằm đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Công tác quán triệt tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức: Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, hội nghị cấp tỉnh, qua hệ thống phát thanh truyền hình, qua các cuộc họp nhằm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và thông qua trang web, các kỳ họp giao ban của các Sở, Ban, ngành, qua đó trưởng các phòng, ban trong từng đơn vị, thủ trưởng các đơn vị thuộc sở, huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; công tác tuyên truyền là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả công tác THPTK, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP:

- Đầu năm 2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 về chương trình THPTK, CLP năm 2023. Trên cơ sở đó, các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các huyện, thành phố, các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước (*sau đây viết tắt là "các cơ quan, đơn vị"*) xây dựng kế hoạch, nội dung và biện pháp THPTK, CLP nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực về tài chính, tài sản, đất đai, một số nguồn nhân lực khác.

- Các biện pháp về THPTK, CLP đã đề ra là ban hành các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực như: Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước; quản lý, sử dụng điện năng; quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động; hướng dẫn hoạt động tiêu dùng, sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

- Các doanh nghiệp nhà nước đã ban hành Chương trình THPTK, CLP năm 2023 đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ như: Chống lãng phí trong việc mua sắm tài sản Nhà nước thông qua việc đẩy mạnh mua sắm theo phương thức tập trung, áp dụng đối với những tài sản có lượng mua sắm nhiều, giá trị lớn, được sử dụng phổ biến ở các phòng, ban, đơn vị trực thuộc công ty. Thực hiện cải cách, thay đổi hệ thống thang lương, bảng lương mới phù hợp với từng đối tượng cán bộ công nhân viên, người lao động tại các doanh nghiệp.

3. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc THPTK, CLP:

- Chỉ đạo kiểm tra, thanh tra THPTK, CLP được thực hiện thông qua hoạt động của ban thanh tra nhân dân tại các cơ quan, đơn vị; thanh tra cấp trên đối với

cấp dưới gồm thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành hoặc qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phát huy vai trò làm chủ của công chức trong việc phát hiện tố cáo hành vi tham nhũng và giám sát thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, THPT CLP, phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

- Các doanh nghiệp triển khai thường xuyên công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị trực thuộc về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do NSNN cấp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Các nội quy, quy chế quản lý nội bộ do doanh nghiệp ban hành, lãnh đạo các phòng, ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc làm căn cứ để áp dụng thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động tại các đơn vị như: Sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, sửa chữa, mua sắm tài sản cố định, tổ chức hội nghị, công tác phí, tiếp khách ...

- Trong kỳ, toàn ngành thanh tra đã triển khai 89 cuộc thanh tra, kiểm tra (trong đó có 13 cuộc thanh tra, kiểm tra từ năm 2022 chuyển sang) đối với 752 tổ chức và cá nhân, đã ban hành 295 kết luận thanh tra và báo cáo kết quả kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 138 tổ chức, cá nhân có sai phạm các dạng về kinh tế với tổng số tiền 37.871,23 triệu đồng; sai phạm trong sử dụng đất đai với diện tích là 103.342,8m² đất các loại. Căn cứ vào nội dung và tính chất sai phạm đã kiến nghị xử lý:

+ Về kinh tế: Kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 3.254,13 triệu đồng, kiến nghị khác 34.617,1 triệu đồng; kiến nghị thu hồi đất nhà nước cho thuê tại 03 dự án với diện tích là 59.974 m² đất¹; kiến nghị khác về đất là 43.368,8m². Ban hành 128 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.161,67 triệu đồng. Xử lý vi phạm bằng hình thức khác là 63 trường hợp.

Tổng số kiến nghị phải thu hồi sau thanh tra số tiền là 3.254,13 triệu đồng, đã đôn đốc thu hồi sau thanh tra với số tiền là 4.725,8 triệu đồng (trong đó thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 là 2.912,426 triệu đồng và các năm trước chuyển sang là 1.813,374 triệu đồng), số còn lại chưa thu hồi 341,704 triệu đồng, kiểm điểm 17 tổ chức và 51 cá nhân có sai phạm.

+ Về hành chính: Kiến nghị kiểm điểm 06 tổ chức, 146 cá nhân;

¹ (1) Dự án của Công ty TNHH MTV thương mại sản xuất gỗ lạng Đăk Song, diện tích 16.940m²; (2) Dự án Nhà máy chế biến đá bazan và đá granite của Công ty TNHH Lâm Tấn Thành, diện tích 38.034m²; (3) Dự án đầu tư xây dựng Xưởng chế biến bột khoai lang của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp thương mại Đăk Rồ, diện tích 5.000 m²;

+ Về xử lý hình sự: Chuyển thông tin qua cơ quan cảnh sát điều tra: 08 vụ việc với 10 đối tượng², kiến nghị khởi tố, chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra xử lý 02 vụ việc³.

II. Tình hình, kết quả THTK, CLP 06 tháng đầu năm 2023:

1. Kết quả đạt được:

1.1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở các văn bản có liên quan hướng dẫn triển khai THTK, CLP của Trung ương và của UBND tỉnh, các đơn vị đã ban hành chương trình, kế hoạch THTK, CLP năm 2023 để làm cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (như xe ô tô, máy móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm...), về định mức tiêu hao nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện, nước ... để phục vụ cho việc quản lý, kiểm soát chi tiêu của đơn vị. Khi có sự thay đổi về định mức, tiêu chuẩn, chế độ các đơn vị đã kịp thời cập nhật sửa đổi định mức cho phù hợp với quy định mới. Việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành đã được cụ thể hóa vào quy chế chi tiêu nội bộ của mỗi cơ quan, đơn vị.

1.2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN):

a) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Trong năm 2023, tỉnh đã phân bổ dự toán cho các đơn vị theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về dự toán thu chi NSNN năm 2023. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách những tháng cuối năm 2023.

- Về tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức: 124 triệu đồng (UBND huyện Cư Jút).

² (1) Việc phân bổ dự toán, việc nhà thầu thực hiện mua sắm và cung cấp thiết bị 10 gói thầu mua sắm Dù che nắng, cột bóng rổ tại 10 trường học trên địa bàn huyện Đắk R'lốp có dấu hiệu chia nhỏ gói thầu để chỉ định thầu, thông thầu; (2) Việc nhà thầu thực hiện thủ tục mua sắm và cung cấp thiết bị 05 gói thầu mua sắm Dù che nắng tại 05 trường học trên địa bàn huyện Đắk Mil có dấu hiệu thông thầu; (3) Việc nhà thầu thực hiện thủ tục mua sắm và cung cấp thiết bị 07 gói thầu mua sắm Dù che nắng tại 07 trường học trên địa bàn huyện Đắk Glong có dấu hiệu thông thầu; (4) Việc nhà thầu thực hiện thủ tục mua sắm và cung cấp thiết bị 07 gói thầu mua sắm trang thiết bị (có Dù che nắng) tại 07 trường học và một số gói thầu mua sắm bộ cột bóng rổ trên địa bàn huyện Đắk Song có dấu hiệu thông thầu; (5) Lập hồ sơ thiết kế - thi công, phê duyệt dự án nâng khống tổng mức đầu tư, nâng khống vốn đối ứng tại 04 dự án (DNTN Kim Anh, HTX Đức Nghĩa, Công ty Vạn Đức, HKD Tạ Văn Trọng); (6) Cho vay vốn không đúng đối tượng tại 03 dự án (Công ty AST, Công ty Vạn Đức, HKD Tạ Văn Trọng); (7) Thiếu kiểm tra, giám sát việc thẩm định, quyết định cho vay, thực hiện giai ngân có nguy cơ mất vốn đối với 07 dự án (Công ty Đông Bắc, DNTN Kim Anh, HTX Đức Nghĩa, Công ty Vạn Đức, HKD Tạ Văn Trọng, Công ty AST và Công ty Hoàng Minh); (8) Việc mua sắm phần mềm đánh giá, xếp loại cán bộ giáo viên và phần mềm công nghệ thông tin điện tử để xem xét, xác minh, xử lý theo quy định đối với hành vi chia nhỏ dự toán để chỉ định thầu của Phòng GD & ĐT của huyện Tuy Đức; hành vi chuẩn bị báo giá, có dấu hiệu thông thầu của nhà cung cấp là Công ty Cổ phần công nghệ Quốc tế VNA.

³ Kiến nghị trong quá trình thanh tra, không chờ ban hành Kết luận thanh tra 02 vụ việc: (1) Việc xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số cá nhân trên diện tích đất Nhà nước giao cho tổ chức quản lý; (2) 01 cá nhân có dấu hiệu vụ lợi, lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc kê khai đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho tổ chức.

- Về tiết kiệm từ việc vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán: 124 triệu đồng (trong đó: UBND huyện Cư Jút là 214 triệu đồng).

- Về số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, đã thực hiện tiết kiệm ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện theo số liệu của Bộ Tài chính giao năm 2023 là 22.853 triệu đồng.

- Về tiết kiệm chi quản lý hành chính trong 06 tháng đầu năm các cơ quan, đơn vị thực hiện là: 3.050 triệu đồng.

- Về tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy) là 203 triệu đồng.

- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức trong 06 tháng đầu năm là 1.469 triệu đồng;

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trong việc giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch cam kết, nhất là các nhiệm vụ, biện pháp UBND tỉnh đã đề ra tại Công văn số 7315/UBND-KT ngày 15/12/2022, Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 19/01/2023 để phân đấu giải ngân trên 95% tổng kế hoạch vốn năm 2023.

- Thực hiện khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dự án đầu tư thuộc chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 theo quy định. Đồng thời, thường xuyên rà soát danh mục các dự án đầu tư, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính khả thi, hiệu quả, bảo đảm trọng tâm trọng điểm, không dàn trải, manh mún trong quá trình thực hiện..

- Chủ động phối hợp, xử lý, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án được kịp thời, hiệu quả, đảm bảo theo thẩm quyền, trong đó cần phải tập trung giải quyết đúng các điểm nghẽn, nút thắt và phải có kết quả cuối cùng. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo ngay cho UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết tham mưu UBND tỉnh làm việc với các bộ ngành trung ương để giải quyết vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền địa phương.

c) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Từ năm 2017 đến nay, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ cấp cơ sở được cấp trực tiếp cho UBND các huyện và thành phố quản lý.

d) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo; y tế trong kế hoạch vốn năm 2023 đến nay đã bố trí vốn đầu tư đúng mục tiêu, tinh thần chỉ đạo của Trung ương và địa phương.

e) Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước

Tiếp tục thực hiện theo đúng quy định của Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý đối với các

quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Chỉ thành lập quỹ mới trong trường hợp thật cần thiết và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Thực hiện minh bạch, công khai trong xây dựng, thực hiện tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

f) Đối với tình hình việc huy động, quản lý các khoản vay, trả nợ công, bù đắp bội chi NSNN.

f.1) Đánh giá công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn vay lại

Hiện nay, địa phương đang triển khai 04 dự án từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại như: Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới; Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán.

Trên cơ sở quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, văn kiện dự án được phê duyệt, hợp đồng cho vay lại đã ký kết, các dự án đang triển khai thực hiện đúng mục đích, hoàn thành một số hạng mục theo yêu cầu của dự án. Định kỳ hàng quý, địa phương có đối chiếu số liệu rút vốn cho vay lại với Cục quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính để kịp thời xác minh và điều chỉnh số liệu (nếu có) và tính toán lãi, phí phải trả theo quy định.

f.2) Báo cáo tình hình vay, trả nợ vay năm 2022

- Tổng dư nợ cuối năm 2021 là 97.008 triệu đồng (từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại), trong đó:

+ Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (ADB) tỉnh Đắk Nông là 52.074 triệu đồng;

+ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn (WB) dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới là 13.101 triệu đồng;

+ Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) là 29.858 triệu đồng;

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) là 1.976 triệu đồng.

- Đã vay trong năm 2022 là 15.136 triệu đồng (từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại) cho các dự án sau: Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông là 14.254 triệu đồng; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 882 triệu đồng.

- Trả lãi, lãi quá hạn trong năm 2022 là 2.691 triệu đồng cho các dự án sau: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 866 triệu đồng; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn (WB) dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới là 476 triệu đồng; Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (ADB) tỉnh Đắk Nông là 1.305 triệu đồng; Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) là 43 triệu đồng.

- Tổng dư nợ cuối kỳ năm 2022 là 112.145 triệu đồng.

- Tổng số lãi, phí dự kiến phải trả năm 2022 là 3.150 triệu đồng cho các dự án sau: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 30.740 triệu đồng; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn (WB) dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới là 13.101 triệu đồng; Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới (ADB) tỉnh Đắk Nông là 66.328 triệu đồng; Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) là 1.976 triệu đồng.

g) Đối với đánh giá tình hình giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cơ quan, tổ chức toàn tỉnh.

g.1) Tình hình triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Địa phương đã sớm chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, phối hợp với đơn vị có chức năng đào tạo, tổ chức tập huấn cho các đối tượng áp dụng theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Hằng năm, các cơ quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP từ tháng 4/2007 cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính được đổi mới cơ bản theo hướng tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính đã mang lại một số kết quả nhất định. Các đơn vị đã chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí được giao, tổ chức và sắp xếp công việc một cách khoa học trên cơ sở vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, chủ động lên kế hoạch công tác phù hợp, hoàn thành nhiệm vụ được giao, giải quyết công việc kịp thời, xử lý công việc đúng quy trình, tiết kiệm thời gian và kinh phí.

Các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, hằng năm luôn có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới cũng như thực tế tại đơn vị. Đối với quy chế quản lý tài sản công, một số đơn vị xây dựng thành quy chế riêng, còn một số đơn vị thực hiện xây dựng lồng ghép trong quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện.

Tỷ lệ các cơ quan hành chính cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP đến thời điểm hiện tại: Các cơ quan cấp tỉnh đạt 100% đơn vị thực hiện, cơ quan cấp huyện đạt 91% đơn vị thực hiện, cơ quan cấp xã 37% đơn vị thực hiện.

g.2) Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày của 21/6/2021 của Chính phủ:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 412 đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính; trong đó 16 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 33 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 363 đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

Nhìn chung các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp

dịch vụ công chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn, đồng thời tăng nguồn thu giải quyết thu nhập cho người lao động.

1.3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Thời gian qua, tình đã trang bị xe ô tô của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng tiêu chuẩn và định mức sử dụng xe ô tô theo quy định tại Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020.

- Số lượng ô tô toàn tỉnh là 207 xe, tăng thêm trong kỳ 10 xe và thanh lý, điều chuyển 9 xe;

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

a) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

a.1) THPTK, CLP trong công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023:

a.1.1) Tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 3.822.694 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định là 349.531 triệu đồng.

- Vốn kế hoạch năm 2023 là 3.473.163 triệu đồng.

a.1.2) Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ đầu năm đến ngày 31/5/2023 là 842.787 triệu đồng đạt 22%, trong đó:

- Thanh toán vốn kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài là 148.372 triệu đồng, đạt 42,5% kế hoạch vốn kéo dài.

- Thanh toán kế hoạch vốn năm là 694.415 triệu đồng (trong đó, Nguồn ngân sách địa phương là 295.953 triệu đồng, Nguồn ngân sách trung ương là 310.408 triệu đồng, nguồn ODA là 13.617 triệu đồng), so với kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ giao là 3.137.763 đạt 22,1%; so với kế hoạch vốn UBND tỉnh giao là 3.473.163 triệu đồng đạt 20%.

- Ước lỹ kế thanh toán vốn đầu tư công từ đầu năm đến hết tháng 6 năm 2023 là 1.300.000 triệu đồng đạt 34,1% so với kế hoạch giao, trong đó: Thanh toán vốn kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài là 190.000 triệu đồng, đạt 54,4% kế hoạch vốn kéo dài; Thanh toán kế hoạch vốn năm là 1.110.000 triệu đồng đạt 32%;

- Nguyên nhân giải ngân chậm và khó khăn, vướng mắc:

Số kế hoạch vốn chưa phân bổ đến các dự án thuộc ngân sách tỉnh quản lý là 137.400 triệu đồng, trong đó: Vốn đối ứng chương trình MTQG là 15.000 triệu đồng, Chính phủ vay về cho vay lại là 39.200 triệu đồng, vốn ODA trung ương hỗ trợ là 78.700 triệu đồng. Việc chưa phân bổ vốn cho dự án, nên dự án chưa có vốn để các chủ đầu tư triển khai thực hiện và giải ngân vốn.

Nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết trong những tháng đầu năm còn thấp, nên chưa có nguồn để giải ngân cho các dự án, cụ thể: Nguồn thu sử dụng đất đã nhập 16.361 triệu đồng/ 184.200 triệu đồng đạt được 8,9% so với kế hoạch giao; Nguồn thu xổ số kiến thiết đã nhập Tabmis là 11.940 triệu đồng/ 27.000 triệu đồng đạt được 44,2% so với kế hoạch giao.

a.2) THPTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ, thẩm định dự án đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý quy hoạch trong lĩnh vực xây dựng:

- Về thẩm định dự án đầu tư: Trong 06 tháng đầu năm 2023, tính đến ngày 31/5/2022, Sở chuyên ngành của tỉnh đã thẩm định 10 hồ sơ, vốn khác 01 hồ sơ trong đó:

+ Tổng mức đầu tư xây dựng công trình vốn NSNN và nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách do chủ đầu tư trình thẩm định là 238.227 triệu đồng, tổng mức đầu tư sau khi thẩm định và phê duyệt là 238.227 triệu đồng, sau khi thẩm định đã cắt giảm 0 triệu đồng giảm so với chi phí xây dựng do chủ đầu tư trình.

+ Chi phí dự toán chủ đầu tư trình thẩm định là 172.472 triệu đồng, chi phí dự toán xây dựng sau thẩm định là 171.968 triệu đồng, sau khi thẩm định đã cắt giảm 503 triệu đồng so với chi phí xây dựng do chủ đầu tư trình đạt tỷ lệ 0,292%.

Nguyên nhân là do đơn vị tư vấn thiết kế lập sai sót về khối lượng, áp dụng sai định mức, đơn giá nhân công, ca máy và thành phần cơ cấu kinh phí của dự án theo quy định, bổ sung dự phòng phí cho các dự án.

- Về cấp giấy phép xây dựng: Trong 06 tháng đầu năm 2023, đã cấp 02 giấy phép xây dựng cho các tổ chức và cá nhân, hướng dẫn cho các nhà đầu tư thực hiện trình tự đầu tư xây dựng; trong quá trình giải quyết hồ sơ cấp phép xây dựng luôn đúng thời gian quy định, không có hồ sơ quá hạn.

- Về quản lý quy hoạch xây dựng: Thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tiết kiệm chi phí thực hiện quy hoạch. Công tác lập quy hoạch đô thị, tập trung đầu tư xây dựng đô thị, nâng cấp, phân loại đô thị đạt kết quả cao; qua đó đã tác động mạnh mẽ làm thay đổi cách nghĩ, cách làm, chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương và nhân dân trong công tác huy động nguồn lực, vận dụng chính sách, lồng ghép các chương trình để phát triển đô thị; công tác phân loại đô thị đạt kết quả theo lộ trình, tạo điều kiện để thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính các đô thị theo quy định; nhận thức về quy hoạch, phát triển đô thị được đổi mới và từng bước hoàn thiện, đời sống dân cư đô thị được cải thiện đáng kể. Sở Xây dựng đã hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị nhằm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện để triển khai nâng cấp đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Về tiết kiệm trong việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Sở Tài chính đã thẩm tra 20 hồ sơ. Tổng giá trị quyết toán do A-B lập là 528.394 triệu đồng, giá trị quyết toán được thẩm tra và phê duyệt là 519.885 triệu đồng giảm so với giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư là 8.511 triệu đồng giảm

1,61% so quyết toán do A-B lập. Việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đã kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các dự án, giảm thiểu được số dự án tồn đọng chưa quyết toán.

b) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng:

- Tình hình quản lý trụ sở làm việc: Trong 06 tháng đầu năm 2023, Trụ sở làm việc của các cơ quan, cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và đạt được hiệu quả, diện tích sử dụng trụ sở làm việc không có biến động tăng, giảm. Tổng diện tích trụ sở làm việc đến thời điểm báo cáo là 1.732.750 m²;

- Tình hình quản lý, sử dụng nhà công vụ: Nhà công vụ chủ yếu là nhà công vụ cho giáo viên tại các trường trung học vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh diện tích sử dụng nhà công vụ không có biến động tăng giảm đến thời điểm báo cáo là 228.839 m².

1.5. THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

a) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng đất:

Tập trung tổ chức kiểm tra, thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 được 06/8 huyện. Thực hiện việc rà soát, bổ sung, đánh giá các chỉ tiêu về thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Rà soát bổ sung các mô vật liệu xây dựng, các dự án đầu tư để bổ sung vào các phương án quy hoạch lĩnh vực tài nguyên và môi trường vào quy hoạch tỉnh.

Trong 06 tháng đầu năm, Sở chuyên ngành đã tập trung quyết liệt để giải quyết nhiều nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai theo kế hoạch của Sở, cũng như chỉ đạo của UBND tỉnh. Các nhiệm vụ triển khai cơ bản đảm bảo thời gian, tiến độ và chất lượng. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan (như: các quy định của pháp luật chưa rõ ràng, bất cập; sự chậm trễ trong việc báo cáo của các cơ quan, đơn vị phối hợp; sự chủ động của các đơn vị chủ đầu tư các dự án), một số nhiệm vụ còn triển khai chậm trễ, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến vấn đề quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2022, giai đoạn 2021-2030; các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất; thu hồi đất sau kết luận thanh, kiểm tra; giải quyết vướng mắc tại các khu đất được giao quản lý, để đấu giá quyền sử dụng đất; công tác phát triển đất, tạo quỹ đất sạch; các nhiệm vụ liên quan đến các Hội đồng giải thể các công ty nông lâm trường.

- Tình hình đo đạc, quản lý địa giới hành chính, cấp quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp và tổ chức: UBND tỉnh đã ban hành 18 Quyết định liên quan đến lĩnh vực giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, Sở chuyên ngành đã tổ chức ký 12 hợp đồng cho thuê đất. Tổ chức thanh, kiểm tra đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh (hiện nay đã thanh, kiểm tra được 30/49 đơn vị theo kế hoạch đề ra, đã có báo cáo đề xuất xử lý đối với 12 đơn vị). Đồng thời, tham gia Đoàn kiểm tra các dự án nông lâm nghiệp do UBND tỉnh chủ trì, qua đó đã xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm

trong quá trình thực hiện dự án. Trong đó, đã thực hiện thu hồi đất của 10 tổ chức, đơn vị với diện tích: 231,8 ha.

- Công tác cấp GCNQSD đất cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân:

+ Đối với tổ chức: Tiếp nhận 159 hồ sơ (nhận trong 06 tháng là 119 hồ sơ, chuyển qua từ tháng trước 40 hồ sơ). Đã xử lý 84 hồ sơ; Đang xử lý 32 hồ sơ (đã chuyển thuê 07 hồ sơ), chuyển trả 43 hồ sơ.

+ Đối với hộ gia đình, cá nhân: Tiếp nhận 43.309 hồ sơ, trong đó: Đã xử lý 37.566 hồ sơ (trễ hạn: 453 hồ sơ); Đang xử lý 3.391 hồ sơ; Trả bộ phận một cửa: 1.772 hồ sơ.

- Công tác định giá đất và phát triển quỹ đất:

+ Xây dựng dự thảo ủy quyền quyết định giá đất cụ thể. UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định⁴ phê duyệt giá đất cụ thể và xử lý vướng mắc trong việc xác định giá đất cho thuê trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Công tác đấu giá quyền sử dụng đất: UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Định kỳ hàng tuần, theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thu tiền sử dụng đất; Tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, các khó khăn vướng mắc của các dự án trên địa bàn tỉnh.

+ Tập trung đẩy nhanh việc tháo gỡ những vướng mắc khó khăn để xử lý, đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất được giao cho Sở (thông qua Trung tâm Phát triển Quỹ đất).

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước:

Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã cấp 05 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, 01 giấy phép thăm dò nước dưới đất. Thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước các công trình thủy lợi, thủy điện. Đề nghị UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa xây dựng kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

c) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản:

Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần đưa hoạt động khoáng sản đi vào nề nếp, thúc đẩy hoạt động khai thác khoáng sản ngày càng phát triển, đặc biệt là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đáp ứng kịp thời nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm, đã triển khai thực hiện các nội dung cụ thể như:

- Tỉnh đã cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản (01 mỏ đá và 01 mỏ đất); xác nhận bằng đăng ký khai thác đất san lấp cho 03 công trình.

⁴ Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 16/02/2023, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 10/4/2023; Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/02/2023.

- Báo cáo UBND tỉnh về việc kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thống nhất cho UBND tỉnh lập đề án thu gom đá bazan dạng trụ, cột nằm rải rác, xen kẽ trên bề mặt đất nông nghiệp của các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án nằm trong quy hoạch bauxite và khai thác đất san lấp;

- Tổ chức kiểm tra, báo cáo UBND tỉnh về tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh, tình trạng sạt lở bờ sông Krông Nô. Nghiên cứu triển khai đề án lắp đặt camera giám sát hoạt động quản lý khai thác cát trên địa bàn huyện Krông Nô.

d) THPTK, CLP trong lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học:

- Diễn biến khí tượng thủy văn, thời tiết, khí hậu, ảnh hưởng và khắc phục biến đổi khí hậu đã được Đài khí tượng thủy văn của tỉnh liên tục cập nhật dự báo theo quy định và đăng tải tại trang thông tin điện tử <http://kttvdaknong.com.vn>; ngoài ra, Sở Tài nguyên và môi trường đã đăng tải diễn biến khí tượng thủy văn, thời tiết, khí lên trang thông tin điện tử của Sở định kỳ. Nhìn chung trong thời gian qua tình hình khí tượng, thời tiết trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Công tác quản lý và bảo vệ môi trường, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp vi phạm môi trường: Kiểm tra, làm việc với 07 cơ sở, 01 nhiệm vụ xác minh xử lý đối với phản ánh, kiến nghị của người dân; chuyển 01 vụ việc bản tin Điểm báo Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh trong công tác Bảo vệ môi trường; phối hợp tham gia 03 đoàn kiểm tra của tỉnh về lĩnh vực thủy điện, chăn nuôi và thẩm định công nhận xã đạt nông thôn mới.

đ) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên trong lĩnh vực ngành công thương:

đ.1) Lĩnh vực Công nghiệp:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 5,41% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 4,98%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,01%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 6,35%; Công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,12%;

- Tình hình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh: Trên địa bàn tỉnh có 04 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích là 149,61 ha. Trong đó có 02 CCN cơ bản hoàn thiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

+ CCN Thuận An có 17 dự án đầu tư, với diện tích đất thuê lại là 16,68 ha; số vốn đăng ký đầu tư là 319.420 triệu đồng và giải quyết được việc làm cho khoảng 200 lao động và tỷ lệ lấp đầy giai đoạn I đạt 96,06%;

+ Cụm công nghiệp BMC, có 03 nhà đầu tư ký kết hợp đồng thuê đất với diện tích 31.716 m² để triển khai dự án.

+ CCN Krông Nô, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành xem xét, tham mưu xử lý theo quy định của pháp luật.

+ CCN Quảng Tâm, UBND tỉnh đã thu hồi chủ trương đầu tư đối với Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và giao cho UBND huyện Tuy Đức giải quyết vấn đề có liên quan.

đ.2) Về lĩnh vực Thương mại:

Trong 06 tháng đầu năm 2023, tình hình thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm người dân; lượng hàng hoá phục vụ các ngày Lễ, Tết phong phú, đa dạng về chủng loại, mẫu mã và đảm bảo chất lượng. Nguồn cung mặt hàng xăng dầu đầy đủ, giá cả hầu hết các mặt hàng đều có xu hướng tăng/giảm đan xen theo tình hình trong nước và thế giới, tuy nhiên mức chênh lệch không đáng kể.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu năm 2023 ước đạt 11.550 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 54,38% kế hoạch năm 2023 (21.241 tỷ đồng), trong đó: Thương nghiệp ước đạt 8.227 tỷ đồng, tăng 6,4%; Lưu trú và ăn uống ước đạt 2.812 tỷ đồng, tăng 68,6%; Doanh thu du lịch ước đạt 0,81 tỷ đồng, tăng 80%; Dịch vụ khác ước đạt 511 tỷ đồng, tăng 51,6%.

đ.3) Về công tác xúc tiến thương mại

- Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2023 được phê duyệt kinh phí là 1.000 triệu đồng để thực hiện đề án Tổ chức Hội chợ Công thương vùng Tây Nguyên - Đắk Nông 2023, từ ngày 30/6/2023 đến ngày 05/7/2023 tại thành phố Gia Nghĩa. Hiện nay, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại đang thực hiện các thủ tục, nội dung để chuẩn bị tổ chức Hội nghị theo kế hoạch.

- Kế hoạch Xúc tiến thương mại địa phương năm 2023 được phê duyệt với tổng kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương là 750 triệu đồng để thực hiện 05 đề án. Đến nay, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại đã thực hiện hoàn thành 02 đề án: (1) tổ chức Đoàn tham gia hội chợ tại các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nguyên; (2) tổ chức Đoàn tham gia Hội chợ tại các tỉnh phía Bắc. Kết quả: tại hội chợ đã có 04 doanh nghiệp ký thỏa thuận với 04 đối tác để tiêu thụ sản phẩm Ca cao, Macca, Hạt điều. Đối với 03 đề án còn lại, Trung tâm đang xây dựng kế hoạch chi tiết để phối hợp với các cơ quan, tổ chức để triển khai thực hiện.

- Thông báo, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đăng ký tham gia các hội nghị kết nối giao thương, hội chợ trong nước và ngoài nước. Tổ chức đưa Đoàn doanh nghiệp của tỉnh tham gia hội chợ triển lãm tại tỉnh Mondulkiri - Campuchia, từ ngày 14/4/2023 đến ngày 17/4/2023, tại thành phố Sen Monorom, tỉnh Mondulkiri, Campuchia.

đ.3) Hạ tầng cấp điện

- Về thủy điện: Trên hệ thống sông Srêpôk và sông Đòng Nai có 02 Dự án thủy điện có nhà máy đặt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã vận hành gồm thủy điện Buôn Tua Srah (86MW), Đrây H'linh (16MW). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 23 dự án thủy điện nhỏ được quy hoạch, với tổng công suất 332,41MW. Trong đó, có 14 dự án (*Đắk R'tih, Đắk Sin 1, Nhân Cơ, Đắk Ru, Quảng Tín, Đắk Nông, Đắk Nông 1, Đắk Nông 2, Đa K'long, Đắk N'teng, Đắk Rung, Đắk Rung 1, Đắk Sor 2, Đắk Kar*) đã vận hành với tổng công suất 122,61MW; 06 dự án (*Nam Long, Đắk R'keh, Đắk Glun 2, Đắk Glun 3, Đắk Sor 4, Đắk Buk Sor 1*) đang triển khai công tác về đầu tư, xây dựng với tổng công suất 36,8MW và 03 dự án (*Tân Thành, Đắk Sor 5, Đắk R'keh 4*) với tổng công suất 29 MW chưa có chủ trương đầu tư.

- Về điện gió: Hiện có nhà máy điện gió Đắk Hòa (50MW) đã vận hành, nhà máy điện gió nam Bình (30MW) đã hoàn thành xây dựng nhưng chưa vận hành; 03 dự án (*Đắk N'Drung 1, Đắk N'Drung 2, Đắk N'Drung 3,*) đang triển khai xây dựng, dự án Asia Đắk Song 1 đang triển khai các thủ tục về đầu tư xây dựng.

- Về điện mặt trời: Hiện có Nhà máy điện mặt trời Cư Jút, Trúc Sơn, với tổng công suất 106,4MWp đang vận hành phát điện thương mại từ năm 2019; có 1.632 hệ thống điện mặt trời mái nhà, với tổng công suất 376,37 MWp đã vận hành.

- Về lưới điện:

+ Lưới điện 500 kV: Có 02 đường dây 500kV đi qua địa bàn tỉnh, gồm đường dây mạch kép 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành dài khoảng 109km và đường dây mạch đơn 500kV Pleiku - Đắk Nông - Cầu Bông dài khoảng 67km và 01 Trạm biến áp 500kV với quy mô công suất 1350MVA.

+ Lưới điện 220kV: Hiện trên địa bàn tỉnh có 06 đường dây 220kV đấu nối từ các thủy điện về trạm biến áp 500 kV Đắk Nông, với tổng chiều dài khoảng 267km, gồm đường dây: Buôn Tua Srah - Đắk Nông, Buôn Kuốp - Đắk Nông, Đòng Nai 3 - Đắk Nông, Đòng Nai 4 - Đắk Nông, Đòng Nai 5 - Đắk Nông, Đắk R'tih - Đắk Nông; 01 Trạm biến áp 220kV với công suất 250 MVA.

+ Lưới điện 110 kV: Đến nay trên địa bàn tỉnh có 204,39km đường dây 110kV; 07 trạm biến áp với tổng dung lượng 343MVA, gồm: Đắk Nông (65MVA), Đắk R'lấp (25.MVA), Đắk R'lấp 2 (25MVA), Đắk Song (50MVA), Đắk Mil (50MVA), Cư Jut (103MVA), Krông Nô (25MVA);

+ Lưới phân phối trung và hạ áp: Đến nay trên địa bàn tỉnh có 2.096km đường dây trung áp, 2.323km đường dây hạ áp và 2.249 trạm biến áp với tổng dung lượng 391.989kVA. Lưới điện được đầu tư đến 71 xã, phường, thị trấn trên địa các huyện, thành phố. Lưới điện cơ bản đáp ứng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân.

- Về điện sản xuất, điện thương phẩm 06 tháng đầu năm, 2023: Điện sản xuất đạt 986 triệu kWh, điện thương phẩm đạt 389 triệu kWh.

1.6. THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

1.6.1 THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước:

- Đối với công tác kiểm tra công vụ:

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Tổ kiểm tra số 818 đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-TKT ngày 29/3/2023 về việc kiểm tra công vụ năm 2023. Ngày từ đầu năm, Tổ kiểm tra phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình Đắk Nông tiến hành kiểm tra công vụ đột xuất tại một số xã trên địa bàn huyện Đắk Glong, huyện Đắk R'lấp nhằm chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra cho thấy cơ bản các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, bố trí đầy đủ công chức tại bộ phận một cửa để phục vụ nhân dân, doanh nghiệp đến giải quyết công việc. Tổ kiểm tra đã nhắc nhở và đề nghị một số đơn vị niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng của Tổ kiểm tra công vụ, thực hiện nghiêm túc theo thẻ công chức khi làm việc trong giờ hành chính theo quy định.

- Thực hiện chính sách sắp xếp, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước của toàn tỉnh:

+ Về tổ chức bộ máy: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 08/3/2018 của Tỉnh ủy Đắk Nông, Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh nên cơ bản các phòng ban, tổ chức hành chính trực thuộc các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố đã đạt chuẩn theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/NĐ-CP của Chính phủ. Kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Hiện nay, đã sáp nhập Hạt kiểm lâm liên huyện, thành lập 03 tổ chức phối hợp liên ngành⁵, tổ chức lại 04 cơ quan, đơn vị⁶, giải thể Hội đồng sáng kiến tỉnh Đắk Nông, kiện toàn 02 tổ chức phối hợp liên ngành⁷.

+ Về thực hiện biên chế, tinh giản biên chế và vị trí việc làm: Thực hiện Quyết định phê duyệt đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đợt I năm 2023 với 07 trường hợp cán bộ công chức, viên chức

⁵ 03 tổ chức: Ban chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Đắk Nông; Ban tổ chức, Ban vận động kinh phí tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Đắk Nông (01/01/2004-01/01/2024); Ban chỉ đạo hoạt động hè và Chiến dịch Thanh niên tình nguyện tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2023-2027.

⁶ 04 tổ chức: Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trực thuộc Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông; Hạt kiểm lâm liên huyện; Ban quản lý công viên địa chất Đắk Nông thành Ban quản lý Công viên địa chất và Xúc tiến du lịch thuộc Sở Văn hóa thể thao và du lịch.

⁷ 02 tổ chức: Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Đắk Nông; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.

thuộc các cơ quan, đơn vị; thẩm định hồ sơ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP với 11 trường hợp, trong đó có 07 trường hợp đã có quyết định, 04 trường hợp đang thẩm định. Hiện nay đang thẩm định Đề án vị trí việc làm và kế hoạch số lượng

- Về đào tạo nguồn lực lao động: Việc triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2023 đã được các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cơ bản nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ, năng lực cho CBCC, VC từ đào tạo bồi dưỡng; công tác đào tạo bồi dưỡng được gắn liền với quy hoạch và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã chủ động, tích cực và có ý thức hơn trong học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho bản thân.

- Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức: Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với ngạch, chức danh theo quy định và theo vị trí việc làm.

- Về công tác bổ nhiệm: Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Việc sử dụng thời gian lao động: Hiện nay, việc sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc của cơ quan được thực hiện khoa học, hợp lý; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đối tượng tham dự và tiết kiệm thời gian không lãng phí. Tăng cường việc tổ chức hội nghị, họp trực tuyến để giảm tối thiểu chi phí đi lại.

- Việc chấp hành kỷ luật lao động: Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 về quy tắc ứng xử, văn hóa, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong hệ thống chính trị của tỉnh và Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 về tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

1.6.2 THPT, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập đối với ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh:

1.6.2.1 Việc ưu tiên phát triển giáo dục mầm non và công tác nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cơ sở giáo dục mầm non.

a) Công tác đầu tư các nguồn lực để phát triển giáo dục mầm non và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Công tác đầu tư các nguồn lực để phát triển giáo dục mầm non: Tiếp tục thực hiện kế hoạch PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, bằng nhiều nguồn kinh phí từ chương trình MTQG giáo dục, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn ngân sách địa phương và từ nguồn xã hội hóa giáo dục, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học và trang cấp thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các cơ sở giáo dục mầm non.

b) Công tác hỗ trợ học sinh khó khăn, học sinh người dân tộc thiểu số và ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học: Ngoài những chính sách của Trung ương, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, trong thời gian vừa qua, ngành giáo dục và đào tạo đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành một số chính sách nhằm hỗ trợ để học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số có điều kiện đến trường. Chính vì vậy, tỷ lệ học sinh bỏ học đã giảm rõ rệt.

c) Công tác chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ đồng bào dân tộc thiểu số

Tỉnh đã triển khai thực hiện Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án "*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025*" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Học sinh dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1, được tăng cường thời lượng môn học tiếng Việt trong trường tiểu học với những lớp học có học sinh là người dân tộc thiểu số còn hạn chế về khả năng nghe nói tiếng Việt. Các đơn vị linh hoạt tận dụng nguồn lực sẵn có trong cộng đồng, tại địa bàn sinh sống của trẻ để đưa vào nhà trường làm tư liệu, phương tiện dạy học không tốn kém kinh phí nhưng vẫn đem lại hiệu quả.

1.6.2.2 Việc duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; công tác xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho người trong độ tuổi lao động, giảm tỷ lệ tái mù chữ ở người lớn. Công tác triển khai các giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn hồ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

1.6.2.3 Công tác phát triển giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn và thực hiện các chính sách dân tộc trong giáo dục.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn tiếp tục được đầu tư, phát triển; mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đến hầu hết các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh; kể cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tạo cơ hội học tập cho mọi người, bước đầu xây dựng xã hội học tập; học sinh là người dân tộc thiểu số, con em các gia đình nghèo, gia đình chính sách, học sinh khuyết tật ngày càng được quan tâm. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh thuộc diện chính sách và người nghèo, người dân tộc thiểu số đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

1.6.2.4 Việc phát triển nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện chính sách đãi ngộ đối với giáo viên.

- Phát triển nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục: Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ trên biên chế được HĐND, UBND tỉnh giao thực hiện công tác quản lý và sử dụng nguồn nhân lực; kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy ở các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở; sắp xếp, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức hợp lý đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu giáo dục và đào tạo. Phối hợp với các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng về lý luận chính

trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu tăng quy mô, nâng cao chất lượng và đổi mới giáo dục.

- Chế độ chính sách cho giáo viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Giáo viên ở vùng đặc biệt khó khăn được thụ hưởng đầy đủ các chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 06/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và giáo viên mầm non. Nhìn chung, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện khá đầy đủ như: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng,... Tuy nhiên, chế độ cho các đối tượng là nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở lại để tiếp tục công tác và ổn định cuộc sống lâu dài chưa được quan tâm đúng mức.

1.6.2.4 Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và tinh giảm biên chế trong lĩnh vực giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

- Về sử dụng đội ngũ giáo viên: Tổng số lượng cán bộ quản lý và giáo viên trên địa bàn tỉnh là 8.989 người; Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố đã tiến hành rà soát số lượng và cơ cấu giáo viên ở tất cả các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và từng môn học; xác định cụ thể số lượng, cơ cấu giáo viên dư thừa cục bộ ở từng trường, từng cấp học, từng môn học. Xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu giáo viên, từ trường thiếu ít giáo viên sang trường thiếu nhiều giáo viên để sử dụng, bố trí đội ngũ giáo viên một cách hợp lý (ưu tiên thứ tự cùng cấp học, môn học; cùng xã/phường/thị trấn; khác xã/phường/thị trấn trong huyện; khác huyện trong tỉnh). Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trong biên chế được giao năm học 2023-2024 để kịp thời đáp ứng nhu cầu giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Về hợp đồng vị trí việc làm giáo viên theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế: Tổng số cơ sở giáo dục toàn tỉnh hiện có là 374 cơ sở bao gồm: 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 33 trường THPT và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, 7 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, 77 trường THCS, 130 trường tiểu học và 126 trường mầm non.

1.7. THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

a) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- THPT, CLP trong việc ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Trong 06 tháng đầu năm 2023, một số DN đã thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Từng bước cải cách quy trình xử lý công việc, lề lối làm việc theo hướng tiết kiệm, nhanh gọn, kịp thời, hiệu quả tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật; Chi phí quản lý được tiết kiệm do áp dụng giao dịch công việc bằng phương tiện điện tử thay thế công văn bằng văn bản giấy.

- THPTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng NSNN: Trong các trường hợp sử dụng NSNN, các DNNN luôn thực hiện theo đúng định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở nguyên tắc tiết kiệm tối đa chi phí nhưng vẫn đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

- THPTK, CLP trong mua sắm sử dụng phương tiện đi lại và thiết bị làm việc: Trong 06 tháng đầu năm các DNNN không thực hiện mua sắm phương tiện đi lại mới; Các DN bố trí và sử dụng phương tiện đi lại, thiết bị làm việc đúng với quy định pháp luật hiện hành phù hợp với định mức của đơn vị để tránh gây lãng phí; không sử dụng tài sản cơ quan vào việc cá nhân.

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: Trong 06 tháng đầu năm các DNNN không đầu tư xây dựng trụ sở mới; Bên cạnh đó các DN đã bảo quản, sử dụng không để xảy ra hư hỏng, mất mát tại trụ sở của đơn vị. Tận dụng tối đa việc sử dụng trụ sở để phục vụ công việc, kiện toàn sắp xếp các phòng ban để bố trí vị trí làm việc phù hợp với trụ sở làm việc hiện có.

- Tổng số vốn chủ sở hữu nhà nước tại 08 doanh nghiệp nhà nước⁸ báo cáo: Theo kế hoạch năm 2023: Số đầu kỳ là: 2.990.516 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 3.009.139 triệu đồng; kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2023: Số đầu kỳ là: 2.990.778 triệu đồng; số cuối kỳ là: 3.017.326 triệu đồng;

- Nợ phải thu khó đòi tại 08 doanh nghiệp nhà nước báo cáo : Theo kế hoạch năm 2023: Số đầu kỳ là: 357.017 triệu đồng; số cuối kỳ là: 363.362 triệu đồng; kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2023 là: Số đầu kỳ là: 357.017 triệu đồng; số cuối kỳ là: 359.529 triệu đồng;

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Một số DNNN được giao quản lý khai thác các công trình thủy lợi đã thực hiện tiết kiệm, điều tiết lượng nước tại các công trình trên để phục vụ cho việc tưới nước mùa khô, chống hạn kịp thời cho diện tích đất canh tác nông nghiệp.

- Một số DNNN được giao quản lý, bảo vệ diện tích rừng thường xuyên tuần tra, bảo vệ nhằm hạn chế các vi phạm phá rừng, lấn chiếm đất rừng. Các doanh nghiệp trên đã thực hiện đóng cửa rừng, không khai thác theo Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững tại khu vực Tây Nguyên.

c) THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động.

⁸ 08 doanh nghiệp nhà nước đã báo cáo 06 tháng đầu năm 2023 gồm: Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh; Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắk Nông; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp như: Đắk Wil, Đắk N'Tao, Nam Tây Nguyên, Quảng Sơn, Đắk Hòa và Cty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đắk Nông; Còn lại 04 doanh nghiệp nhà nước chưa báo cáo gồm: Công ty Cà phê Đức Lập, Công ty TNHH MTV Năm Nung, Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển Đại Thành và Công ty cổ phần Sách thiết bị trường học Đắk Nông (Nhà nước nắm giữ 92% cổ phần).

- Thường xuyên rà soát, sắp xếp, luân chuyển người lao động đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực lao động sẵn có, phát huy tối đa năng lực làm việc của người lao động, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời gian làm việc, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của CB CNV, LĐ tại đơn vị;

- Triển khai xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động làm cơ sở tuyển dụng và sử dụng lao động.

d) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

- Các DN thường xuyên rà soát cơ sở vật chất, kỹ thuật để khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả tài sản, thiết bị hiện có;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đầu tư xây dựng theo quy định để có giải pháp kịp thời nhằm tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí, kiểm soát tiến độ và giải ngân kịp thời quản lý chặt chẽ kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ. Xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm tra giám sát chặt chẽ;

- Quy chế quản lý công nợ đã được các Doanh nghiệp ban hành phục vụ cho công tác quản lý điều hành và quản lý công nợ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn giảm thiểu tối đa các khoản nợ xấu, nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi.

đ) THPTK, CLP tại các doanh nghiệp nhà nước: Trong 06 tháng đầu năm 2023 các doanh nghiệp đã tiết kiệm được 13.417 triệu đồng, trong đó:

- Tiết kiệm nguyên, vật liệu: 97 triệu đồng;

- Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: 13.008 triệu đồng;

- Tiết kiệm chi phí quản lý: 312 triệu đồng;

1.8. THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

a) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

a.1) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng: Trong 06 tháng đầu năm các DNNN không đầu tư xây dựng trụ sở mới. Bên cạnh đó, các DNNN đã bảo quản, sử dụng không để xảy ra hư hỏng, mất mát tại trụ sở của đơn vị. Tận dụng tối đa việc sử dụng trụ sở để phục vụ cho việc kiện toàn sắp xếp các phòng ban để bố trí làm việc phù hợp với trụ sở làm việc hiện có.

a.2) THPTK, CLP trong sản xuất kinh doanh:

- Kiểm soát chặt chẽ, chi phí hoạt động, chi phí quản lý, triệt để tiết kiệm chi phí thường xuyên nhất là các khoản chi: tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết, tiếp khách ... thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí xăng dầu, điện nước, văn phòng phẩm và các chi phí khác.

- Về tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu: thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát, sửa chữa hư hỏng ngay khi mới phát sinh làm tiết kiệm được một phần chi phí nguyên, nhiên, vật liệu, nhân lực làm giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Về tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp: Thực hiện tiết giảm từ 5% trở lên, tất cả cán bộ, công nhân viên, người lao động quản lý tăng chất lượng, hiệu quả công việc đạt kết quả cao, hạn chế đi lại nhiều lần để giải quyết cùng một công việc, sử dụng công cụ, vật tư, máy móc thiết bị hiệu quả, không trang bị thêm máy móc thiết bị làm việc khi không cần thiết.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận và xử lý văn bản mang lại hiệu quả cao.

a.3) THPTK,CLP trong tiêu dùng của nhân dân:

- Chỉ tiêu về điện: Tỷ lệ số thôn, buôn có lưới điện quốc gia đạt 100%; tỷ lệ số hộ sử dụng điện đạt 99%. Quá trình triển khai thực hiện, theo báo cáo của Công ty Điện lực Đắk Nông, sản lượng điện tiết kiệm đến tháng 6/2023 ước đạt 7.499.365 kWh, với số tiền tiết kiệm được khoảng 13.000 triệu đồng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường, giá cả, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là các thời điểm mùa vụ, các dịp lễ, tết. Bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, nhất là những thời điểm khó khăn, thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu hàng hóa, ngăn chặn và có biện pháp xử lý nghiêm việc nhập khẩu các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

b) THPTK,CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không.

- Số vụ việc đã được xử lý: Không.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không.

3. Phân tích, đánh giá:

3.1. Đánh giá kết quả đạt được:

- Nhìn chung, tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các đơn vị đã có những chuyển biến tích cực; công tác THPTK, CLP đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời; công tác tuyên truyền và thanh tra, kiểm tra về THPTK, CLP trong các lĩnh vực được đẩy mạnh.

- Nhận thức và hành động của đa số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên. Qua đó đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh và phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, hành vi lãng phí.

- Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cơ bản đúng theo chế độ, định mức nhà nước ban hành và quy chế chi tiêu nội bộ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan; thông qua kinh phí tiết

kiệm đã cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong từng cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành; sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả. Trình tự, thủ tục mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công thực hiện theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp.

- Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng công theo đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị. Tài sản được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, chống lãng phí.

3.2. Những tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về THTK-CLP tại một số cơ quan, địa phương chưa thật sự triệt để, chưa chủ động và quyết liệt trong việc triển khai thực hiện Chương trình THTK-CLP.

- Trong công tác xây dựng Chương trình THTK, CLP vẫn còn một số cơ quan, đơn vị xây dựng còn mang tính chất chung chung chưa xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo để tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng cơ quan đơn vị dẫn đến việc đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện chưa đạt hiệu quả cao, chưa thiết thực; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị báo cáo chậm so với thời hạn quy định; số liệu báo cáo không đầy đủ theo biểu mẫu, có nhiều đơn vị không báo cáo số liệu theo Phụ lục số 02 theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC đã quy định dẫn đến công tác tổng hợp báo cáo trên địa bàn toàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, số liệu báo cáo không xác thực tế.

- Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khắc phục được tình trạng lãng phí trong tổ chức bộ máy và sử dụng lao động.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới ở một số nơi chưa được quyết liệt, còn trong tình trạng nể nang, né tránh đối với một số biểu hiện vi phạm, mới chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở, đôn đốc, chưa có chế tài răn đe, hiệu quả phát hiện các hành vi lãng phí trong quá trình tự thanh tra, kiểm tra của các đơn vị còn thấp.

- Một số cán bộ, công chức đã được quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP nhưng còn chậm trong thay đổi nhận thức và hành động dẫn đến một số nội dung kinh phí tiết kiệm chưa đạt kết quả đề ra.

- Việc triển khai công tác THTK, CLP của các Công ty TNHH MTV và Công ty cổ phần có sử dụng vốn của Nhà nước đạt kết quả chưa cao do Ban chỉ đạo THTK, CLP trong đơn vị và xí nghiệp trực thuộc là kiêm nhiệm. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo chưa có nề nếp, chất lượng báo cáo còn hạn chế, chưa đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra, việc THTK, CLP là góp phần

thiết thực, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Định mức kinh tế kỹ thuật của một số DNNN còn đang trong quá trình điều chỉnh nên vẫn áp dụng định mức cũ có nhiều bất cập chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Trách nhiệm, sự quan tâm, chú trọng việc thực hiện Luật THTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự đúng mức, chưa có chế tài thích đáng đối với những trường hợp gây lãng phí. Từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện THTK, CLP.

- Một số định mức chi tiêu chưa phù hợp với tình hình thực tế gây khó khăn trong việc thực hiện. Cơ chế quản lý giám sát tài sản, đất đai, tài nguyên,... còn lỏng lẻo, việc công khai minh bạch nhiều lĩnh vực còn hạn chế dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí, tài sản, đất đai... chưa cao.

- Do tác động của yếu tố khách quan như: Nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm tăng, kinh phí thì hạn hẹp; giá cả một số mặt hàng tăng so với năm trước.

- Hiện nay công tác công khai quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa triệt để. Công tác đăng nhập vào hệ thống dữ liệu quản lý tài sản quốc gia còn chưa kịp thời. Một số tài sản hết thời gian khấu hao, hư hỏng, xuống cấp (như các công trình xây dựng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn ...) nhưng không được tu sửa, bảo dưỡng thường xuyên nên hiệu quả sử dụng còn thấp.

- Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khắc phục được tình trạng lãng phí trong tổ chức bộ máy và sử dụng lao động.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP 06 tháng cuối năm 2023

1. Phương hướng, nhiệm vụ:

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2023 của UBND tỉnh đã đề ra; phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể hóa các chỉ tiêu tiết kiệm (bằng số liệu cụ thể) và đưa ra các giải pháp sát thực tế để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã xây dựng;

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội và phân đầu đảm bảo hoàn thành dự toán ngân sách năm 2023; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các mục chi theo dự toán, tiết kiệm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Đối với các khoản chi lớn, đưa ra nhiều phương án lựa chọn tối ưu để thực hiện;

- Xác định THTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các huyện và thành phố, các Công ty TNHH MTV vốn 100% của Nhà nước; xây dựng và củng cố đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực

và trình độ chuyên môn cao, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, các ngành nhằm nâng cao ý thức chấp hành và thực hiện tốt công tác THTK, CLP trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính, tài chính. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế. Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí theo thẩm quyền.

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1 Về lãnh đạo, điều hành:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu thực hiện và chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở như: Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về quy tắc ứng xử, văn hóa, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong hệ thống chính trị của tỉnh và Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 về tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc THTK, CLP; mọi hành vi vi phạm, gây lãng phí xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.2. Về công tác cải cách hành chính:

- Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện CCHC của các cấp, các ngành gắn với THTK, CLP trong các lĩnh vực; thực hiện có hiệu quả hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước thông qua việc triển khai thực hiện dự án chính quyền điện tử tỉnh; Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 tại Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Đắk Nông năm 2023 (Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 30/12/2022) và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Đắk Nông (Quyết định số 451/QĐ-BCĐCCHC ngày 07/4/2023).

- Xây dựng quy trình, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp, nhằm bảo đảm người dân không phải cung cấp lại thông tin khi thực hiện TTHC; tăng cường chỉ đạo thực hiện giải quyết TTHC trực tuyến nhằm phấn đấu đến cuối năm 2023, mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền các cấp trong thực hiện TTHC đạt từ 85% trở lên; có 50% hồ sơ TTHC được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

- Tập trung triển khai dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; thực hiện ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc 100% trên môi trường điện tử; rà soát, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đầy đủ, chính xác theo ngành, lĩnh vực quản lý.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm triệt để các thủ tục hành chính còn chồng chéo, vướng mắc, không cần thiết trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của cơ quan mình; khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2023.

- Tiếp tục đổi mới lề lối phương thức làm việc thông qua việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, thực hiện gửi nhận văn bản điện tử liên thông 4 cấp chính quyền; chuyên đổi từng bước việc điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP; đẩy mạnh hình thức họp trực tuyến; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

2.3. Về việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Tổ chức điều hành dự toán ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách:

Tiếp tục cải cách công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước (bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư) gắn với việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan (cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu ngân sách nhà nước.

Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình về ngân sách nhà nước.

b) Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền và triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn. Đẩy mạnh quản lý, giám sát hiệu quả sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ; có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án để giảm thiểu chi phí vay. Nâng cao trách nhiệm giải trình của các Sở, ngành, địa phương đối với hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay công.

c) Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và nâng cấp cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Xây dựng hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công để thực hiện các giao dịch về tài sản (như: bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng,...) đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công.

Ban hành kịp thời tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng theo thẩm quyền để làm cơ sở lập kế hoạch, dự toán, quản lý, bố trí sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm.

d) Xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phân đầu đồng thời gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

e) Thực hiện việc giải ngân vốn đầu tư công

Với quyết tâm hoàn thành mục tiêu thực hiện và giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, góp phần quan trọng để hiện thực hóa các quan điểm, mục tiêu, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2022; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ các Công điện: số 126/CĐ-TTg ngày 12/02/2022 và số 307/CĐ-TTg ngày 08/4/2022; các Công văn số 1684/VPCP-KTTH ngày 17/3/2022 và số 572/VPCP-KTTH ngày 21/01/2022 của Văn phòng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo khác của trung ương, Tỉnh ủy.

- Xác định công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư... là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Tập trung triển khai quyết liệt những nhiệm vụ, công việc theo thẩm quyền; kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn.

- Yêu cầu các chủ đầu tư theo dõi, đôn đốc các đơn vị thi công tăng ca, tập trung nhân lực và máy móc thiết bị, tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện công tác nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành.

- Yêu cầu các chủ đầu tư chủ động, tích cực phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong công tác giải phóng mặt bằng. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc; đề xuất giải pháp, trách nhiệm xử lý cụ thể (thời gian hoàn thành) đến từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Yêu cầu các Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp kiểm tra thực địa dự án; trực tiếp gặp dân, tổ chức đối thoại, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân, thực hiện vận động chấp hành các quy định của nhà nước về thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng; kịp thời xử lý khiếu nại, không để làm chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án. Kiên quyết xử lý, cưỡng chế đối với các trường hợp lợi dụng các chính sách của nhà nước để trục lợi khi thu hồi đất, ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

- Kiên quyết điều chuyển, thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, suy thoái về đạo đức công vụ, gây những nhiều tiêu cực trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công... gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, coi đây là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023.

2.4 Về công tác cổ phần hóa và thoái vốn của các doanh nghiệp nhà nước:

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Tăng cường minh bạch thông tin đối với tất cả các doanh nghiệp nhà nước theo các tiêu chuẩn áp dụng đối với công ty đại chúng; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước; nghiên cứu, đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước theo từng loại hình, lĩnh vực, địa bàn hoạt động đặc thù của doanh nghiệp. Triển khai tích cực, có hiệu quả Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp nhằm cắt giảm triệt để các chi phí bất hợp lý trong tuân thủ quy định pháp luật về kinh doanh, đẩy lùi và ngăn chặn các hành vi làm phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

2.5 Về cải cách bộ máy hành chính nhà nước:

Tiếp tục thực hiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII). Rà soát các văn bản hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp, khắc phục những hạn chế, vướng mắc và bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và thực hiện Tổ kiểm tra số 818 đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-TKT ngày 29/3/2023 về việc kiểm tra công vụ năm 2023.

Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động công vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xác định vị trí việc làm một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp của tỉnh theo đúng lộ trình của Trung ương và UBND tỉnh. Thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và pháp luật nhà nước. Thực hiện việc nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đúng theo quy định hiện hành.

2.6. Về lĩnh vực đất đai:

- Nâng cao chất lượng thẩm định nhu cầu sử dụng đất, các thủ tục giao đất, thu hồi đất; bàn giao thực địa cho các tổ chức có quyết định giao đất, cho thuê đất; Tiếp tục tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác, giao đất, thu hồi đất sau thanh tra, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đấu giá quyền sử dụng đất, tạo quỹ đất sạch.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024; Quy định về cơ chế tài chính thực hiện dự án khu tái định cư do nhà đầu tư dự án có sử dụng đất tự nguyện ứng trước kinh phí để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh; Quyết định điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Dự thảo quyết định quy định chi tiết việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước trực tiếp quản lý, việc lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp tại địa phương để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liên kết trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Chủ động, tích cực phối hợp với UBND các huyện, thành phố kiểm tra, rà soát việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thẩm định, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2.7. Về lĩnh vực khoáng sản và tài nguyên nước:

- Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán kế hoạch kiểm kê tài nguyên nước mặt tỉnh Đắk Nông, giai đoạn đến năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước và phối hợp với UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức thực hiện.

- Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch triển khai chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 27/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về quản lý, bảo vệ, khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025.

2.8. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về việc hướng dẫn, triển khai Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo quy định; Quyết định quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

- Xây dựng: Chương trình thí điểm phân loại rác tại nguồn; phòng, chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh; Đề án nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khảo sát, thực hiện lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh.

- Xử lý đơn thư phản ánh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và duy trì hoạt động đường dây nóng về bảo vệ môi trường.

2.9. Về lĩnh vực đầu tư:

Tập trung bố trí vốn cho những công trình, dự án trọng điểm thật sự bức xúc hoặc còn thi công dở dang; kiên quyết không bố trí cho những công trình, dự án không đảm bảo thủ tục; đình, hoãn hoặc giãn tiến độ đối với những công trình, dự án chưa thật sự thiết thực; hủy bỏ không đầu tư những công trình, dự án nếu phát hiện kém hoặc không hiệu.

2.10. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng:

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; theo dõi, rà soát, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; triển khai thực hiện Công văn số 907/TTCP-KHTH ngày 12/6/2020 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

Tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra và đôn đốc sau thanh tra về việc chấp hành các quyết định thu hồi, kiến nghị, xử lý sau thanh tra đã có hiệu lực; Đồng thời, chủ động gắn công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo với công tác THTK, CLP.

(Có phụ lục chi tiết gửi kèm).

Trên đây là báo cáo kết quả về thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(TT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Hồ Văn Mười

Phụ lục số 01

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
XÂY DỰNG, BÁO CÁO VỀ CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
KỶ BÁO CÁO: 06 THÁNG NĂM 2023 (Số liệu báo cáo từ 01/01/2023 đến 31/5/2023)**

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Ban hành Chương trình, Kế hoạch năm 2023	Số văn bản của các đơn vị báo cáo 06 tháng năm 2023 (báo cáo trước ngày 05/6/2023)	Ghi chú
I	KHỐI TỈNH			
1	Ban Dân tộc	55/CTTr-BDT ngày 16/01/2023	505/BC-BDT ngày 29/5/2023	
2	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	01/CTr-BQLKCN 01/02/2023	121/BC-BQLKCN ngày 29/5/2023	
3	Ban quản lý các dự án tỉnh Đắk Nông	57/CTr-BQL ngày 07/02/2023	673/BC-BQL ngày 05/6/2023	
4	Ban An toàn giao thông tỉnh			Không báo cáo
5	Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh ĐN			Không báo cáo
6	Báo Đắk Nông	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	27-BC/BĐN ngày 05/6/2023	
7	Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	06/KH-BQL ngày 04/4/2023	21/BC-BQL ngày 26/5/2023	Báo cáo Phụ lục số 02 không đúng mẫu
8	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh			Không báo cáo
9	Hội Chữ thập đỏ			Không báo cáo
10	Hội Cựu chiến binh	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	66/BC-CCB ngày 31/5/2023	
11	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia		11/CV-HHN ngày 16/5/2023	Chỉ có 03 biên chế nên không có tiết kiệm
12	Hội Khuyến học	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	76/BC-HKH ngày 30/5/2023	
13	Hội Đông Y			Không báo cáo
14	Hội người cao tuổi			Không báo cáo
15	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đắk Nông	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	230/BC-PN ngày 05/6/2023	
16	Hội Nạn nhân chất độc da cam		42/BC-HDC ngày 25/5/2023	
17	Hội Nông dân tỉnh	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	582-BC/HNDT ngày 05/6/2023	
18	Hội Văn học nghệ thuật	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	136/BC-HVHNT ngày 30/5/2023	
19	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	92/BC-LHH ngày 05/6/2023	
20	Liên minh hợp tác xã tỉnh	38/KH-LMHTX ngày 30/01/2023	262/LMHTX-VP ngày 01/6/2023	Không báo cáo Phụ lục số 02
21	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	290/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/02/2023	153/BC-SLĐTBXH ngày 02/6/2023	
22	Sở Công Thương	03/QĐ-SCT ngày 07/02/2023	163/BC-SCT ngày 08/6/2023	Báo cáo chậm
23	Sở Giáo dục và Đào tạo	194/CTTr-SGDĐT ngày 09/02/2023	160/BC-SGDĐT ngày 05/6/2023	

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Ban hành Chương trình, Kế hoạch năm 2023	Số văn bản của các đơn vị báo cáo 06 tháng năm 2023 (báo cáo trước ngày 05/6/2023)	Ghi chú
24	Sở Giao thông - Vận tải	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	132/BC-SGTVT ngày 02/6/2023	
25	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	124/BC-SKH ngày 05/6/2023	
26	Sở Khoa học và Công nghệ	12/KH-SKHCN ngày 07/02/2023	123/BC-SKHCN ngày 30/5/2023	
27	Sở Nội vụ	25/KH-SNV ngày 02/02/2023	127/BC-SNV ngày 01/6/2023	
28	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	77/QĐ-SNN ngày 09/02/2023	283/BC-SNN ngày 31/5/2023	
29	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	128/QĐ-KL ngày 28/12/2022	152/BC-KL ngày 25/5/2023	
30	Sở Tài chính	270a/CTr-STC ngày 10/02/2023	68/CV-ĐT ngày 01/6/2023 của Phòng TCĐT	Phòng NS và GCS & TCDN và VP Sở Không tổng hợp báo cáo
31	Sở Tài nguyên và Môi trường	531/QĐ-STNMT ngày 28/3/2023	181/BC-STNMT ngày 05/6/2023	
32	Sở Thông tin và Truyền thông	293/CTr-STTTT ngày 06/3/2023	134/BC-STTTT ngày 06/6/2023	Báo cáo chậm
33	Sở Tư pháp	01/CTr-STP ngày 21/02/2023	133/BC-STP ngày 06/6/2023	Báo cáo chậm
34	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20/KH-SVHTTDL ngày 03/3/2023	157/BC-SVHTTDL ngày 05/6/2023	
35	Sở Xây dựng	131/CT-SXD ngày 02/02/2023	968/SXD-VP ngày 05/6/2023	
36	Sở Y tế	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	1413/SYT-KHTC ngày 01/6/2023	
37	Thanh tra tỉnh	08/QĐ-TTr ngày 17/01/2023	115/BC-TTr ngày 02/6/2023	Không báo cáo Phụ lục số 02
38	Tỉnh Đoàn Đắk Nông			Không báo cáo
39	Trường Chính trị tỉnh	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	14-BC/TCT ngày 18/5/2023	
40	Trường Cao đẳng cộng đồng Đắk Nông			Không báo cáo
41	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	224/KH-MTTQ-BTT ngày 03/3/2023	447/BC-MTTQ-BTT ngày 02/5/2023	
42	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	55/BC-VP ngày 08/6/2023	Báo cáo chậm
43	Văn phòng UBND tỉnh	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	657/BC-VPUBND ngày 30/5/2023	
44	Văn phòng Tỉnh ủy	02-CTr/VPTU ngày 06/01/2023	223-BC/VPTU ngày 05/6/2023	
45	Văn phòng điều phối nông thôn mới	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	79/BC-VPĐP ngày 01/6/2023	
46	Cty Phát triển hạ tầng KCN Tâm thắng			Không báo cáo
II KHỐI HUYỆN				
1	Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút	316/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	200/BC-UBND ngày 06/6/2023	Báo cáo chậm

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Ban hành Chương trình, Kế hoạch năm 2023	Số văn bản của các đơn vị báo cáo 06 tháng năm 2023 (báo cáo trước ngày 05/6/2023)	Ghi chú
2	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong	376/QĐ-UBND ngày 21/02/2023	265/BC-UBND ngày 08/6/2023	Báo cáo chậm
3	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Rlấp			Không báo cáo
4	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil	290/QĐ-UBND ngày 13/02/2023		Không báo cáo
5	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song	01/CTr-UBND ngày 10/02/2023	347/BC-UBND ngày 08/6/2023	Báo cáo chậm
6	Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô	357/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	362/BC-UBND ngày 06/6/2023	Báo cáo chậm
7	Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức			Không báo cáo
8	Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa	390/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	306/BC-UBND ngày 08/6/2023	Báo cáo chậm
III KHỎI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC				
1	Cty Cà phê Đức Lập			Không báo cáo
2	Cty TNHH MTV Nam Nung			Không báo cáo
3	Cty TNHH MTV Đầu tư PT Đại Thành			Không báo cáo
4	Cty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh ĐN	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	37/BC-XSKT ngày 05/6/2023	Báo cáo chậm, nhận ngày 09/6/2023
5	Cty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi Đắk Nông	10A/QĐ-KTTL ngày 16/01/2023	81/BC-KTTL ngày 05/6/2023	Báo cáo chậm, nhận ngày 09/6/2023
6	Cty cổ phần Sách Thiết bị trường học Đắk Nông (Nhà nước nắm giữ 92% cổ phần)			Không báo cáo
7	Cty TNHH MTV LN Đắk Wil	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	118/BC-CT ngày 30/5/2023	
8	Cty TNHH MTV LN Đắk N'Tao	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	56/BC-CT ngày 26/5/2023	
9	Cty TNHH MTV LN Đức Hòa	03/CTr-CTĐH ngày 10/3/2023	54/BC-CTĐH ngày 05/6/2023	Báo cáo chậm, nhận ngày 09/6/2023
10	Cty TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên	01/CTr-CT ngày 10/02/2023	49/BC-CT ngày 02/6/2023	
11	Cty TNHH MTV LN Quảng Sơn	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	101/BC-CT ngày 05/6/2023	Báo cáo chậm, nhận ngày 07/6/2023
12	Quỹ Đầu tư và phát triển Đắk Nông	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	19/BC-QĐT ngày 23/5/2023	
IV CÁC ĐƠN VỊ KHÁC (đơn vị nào có sử dụng ngân sách địa phương thì tổng hợp báo cáo)				
1	Công an tỉnh Đắk Nông			
2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	542/QĐ-BĐBP ngày 15/02/2023	1156/BC-BCH ngày 5/5/2023	
4	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông			
5	Cục Thuế tỉnh Đắk Nông	Không ban hành Chương trình THPT, CLP	81/BC-CTDNO ngày 02/6/2023	Không báo cáo Phụ lục số 02



Phụ lục số 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

KỲ BÁO CÁO: 06 tháng năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số **375**BC-UBND ngày **16** tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2023	Kết quả 06 tháng năm 2023	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	41	40	37		92,50%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ sửa đổi, bổ sung	Văn bản	23	30	25		83,33%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	28	25	19		76,00%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	1	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	108	0	0			
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		124.707	24.007	23.101		96,22%	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	215	100	124			
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	124.235	23.847	22.853		95,83%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	257	60	124		206,67%	
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		4.569	8.593	4.722		54,95%	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		3.741	5.484	3.050		55,62%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	664	716	414			
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	277	441	224			
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	288	519	333			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	525	798	413			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoản chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	212	369	218			
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	529	787	452			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	476	531	352			
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	518	705	320			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	252	618	324			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		90	357	203		56,78%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	90	333	203		60,87%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	0	24	0			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoản chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	1	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	21	20			
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	2	0			
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>Triệu đồng</i>	0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	738	2.752	1.469		53,38%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	0	0	0			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	0	0	0			
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	Triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	297	132	170			
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	17	7	14			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2023	Kết quả 06 tháng năm 2023	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện (kiến nghị thu hồi nộp NSNN)	Triệu đồng	54	90	151			
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	Triệu đồng						
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		226	322	327			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	207	254	254			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, điều chuyển)	Chiếc	10	5	11			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	9	5	4			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	58	58			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	0	0			
2	Tài sản khác		45	0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	45	0	0			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác							
	Số tiền tiết kiệm được		0	0	0			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án	510	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	92.463	18.465	17.306	93,72%		
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	Triệu đồng	1.707	7.898	6.484	82,10%		
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Triệu đồng	484	0	43			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	Triệu đồng	30	6	6	100,00%		
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	Triệu đồng	90.242	10.561	10.773	102,01%		
	- <i>Các nội dung khác</i>	Triệu đồng	0	0	0			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	35.571	0	30.548			
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	0	0	14			
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ		0	0	0			
	Số lượng	Dự án	0	0	0			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0			
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	208.642	1.028.457	1.732.750			
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	36.665	2.200	3.376			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	380	0	0			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	256.830	228.839	228.839			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	283.200	86.660	235.394			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	0	0	0			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	0	0	0			
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0			
4	Các nội dung khác							

Tiết kiệm được so với dự toán duyệt, được giám giá thầu, giám tr được duyệt quyết toán dự án hoàn thành

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2023	Kết quả 06 tháng năm 2023	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m ²	17.278	0	4.238			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m ²	0	0	54.319			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	275	0	243			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	221	730	165			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	458	5.000	570			
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	Các nội dung khác (xử phạt trong lĩnh vực môi trường)							
4.1	Số vụ việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường		16	0	2			
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được		246	0	98			
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		417	13.715	13.417			
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	30	100	97			
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	24	13.011	13.008			
	Tiết kiệm điện	Kw/h	1.469	8.450	8.232			
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	850	900	725			
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	363	604	312			
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	0	0	0			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	0	0	0			
2	Quản lý đầu tư xây dựng	Triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	0	1	10			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	0	1	1			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	Triệu đồng	59	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	0	0	500			
	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	59	1	269			
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	Triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
3.1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	200	200			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2023	Kết quả 06 tháng năm 2023	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
3.2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0	0	0			
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0	0	0			
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	16	3	4			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	0	0			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0			
5	Nợ phải thu khó đòi							
5.1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	350.989	357.017	357.017			
5.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	357.017	363.362	359.529			
6	Vốn chủ sở hữu							
6.1	Số đầu năm	Triệu đồng	2.925.004	2.990.516	2.990.778			
6.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	2.990.690	3.009.139	3.017.326			
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ	57.050	32.226	36.637			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	87		89			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	39		39			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	230 tổ chức và 177 cá nhân		752 tổ chức cá nhân			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	23 tổ chức, 37 cá nhân		138 tổ chức, cá nhân			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	6.507,4		37.871,2			
5.1	Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng						
5.2	Diện tích đất rừng bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Ha			sai phạm trong sử dụng đất với diện tích 103.342,8m2			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	1.743		3.254			
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP	người	0		0			
	Xử lý hành chính, kỷ luật	người	Kiểm điểm 33 tổ chức, 73 cá nhân, kiến nghị XPVPHC 7 tổ chức		Kiểm điểm 06 tổ chức, 146 cá nhân, XP VP bằng hình thức khác 63 trường hợp			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm 2023	Kết quả 06 tháng năm 2023	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
	Xử lý hình sự	vụ việc	Chuyển thông tin qua cơ quan cảnh sát điều tra: 02 vụ việc; Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra : 01 vụ việc		Chuyển thông tin qua cơ quan cảnh sát điều tra: 08 vụ việc với 10 đối tượng; Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra : 02 vụ việc			

r

